



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Helio Energy

Ngày 30/09/2025	7,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.7%	11.4%	-

DT thuần Q3/25
26.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.80 -12.5%
YoY: ▼2.30 -8.0%

LN thuần Q3/25
4.10
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.33 -44.9%
YoY: ▼1.39 -25.4%

LN sau thuế Q3/25
3.40
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.13 -47.9%
YoY: ▲ 0.93 37.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
29.1%
YoY: +/- ▼ 9.0%

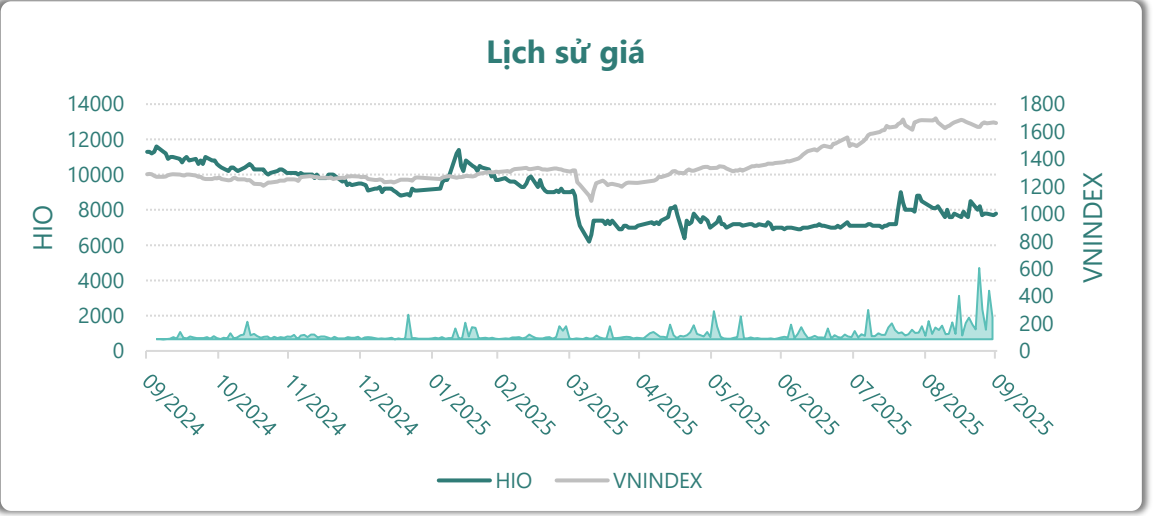
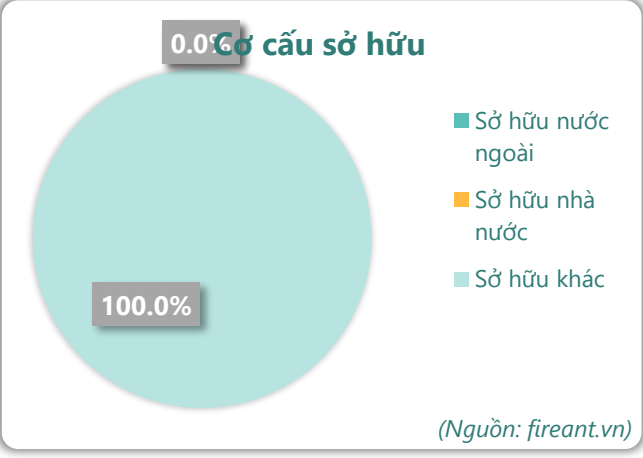
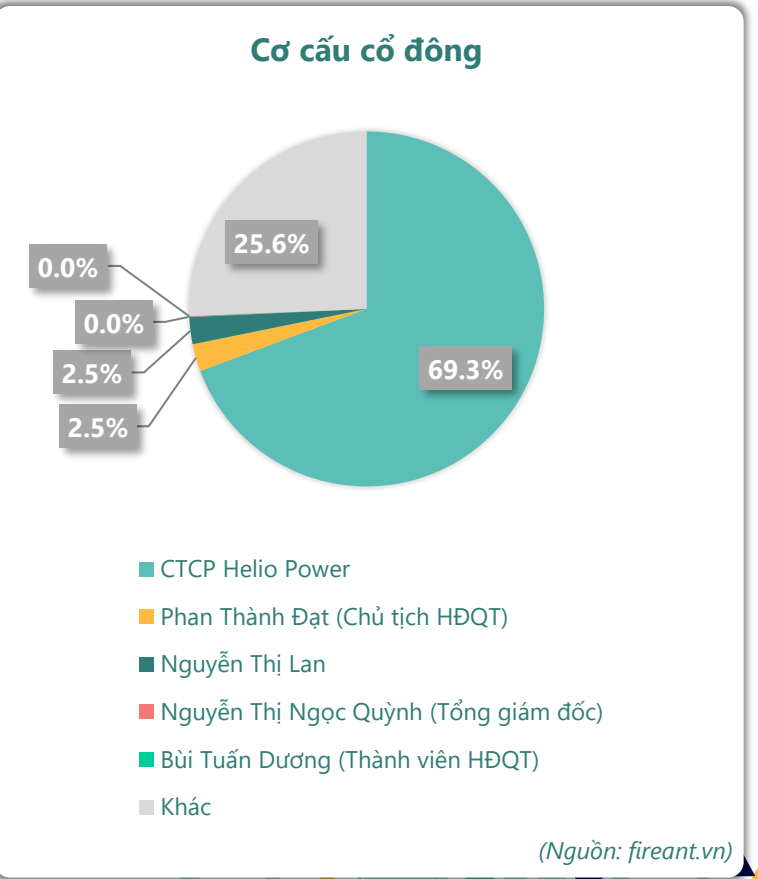
ROE (TTM) Q3/25
6.3%
YoY: +/- ▲ 0.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,200 - 11,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	164
Số lượng CPLH (CP)	21,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,130
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.38
EPS	771
P/E	10.1

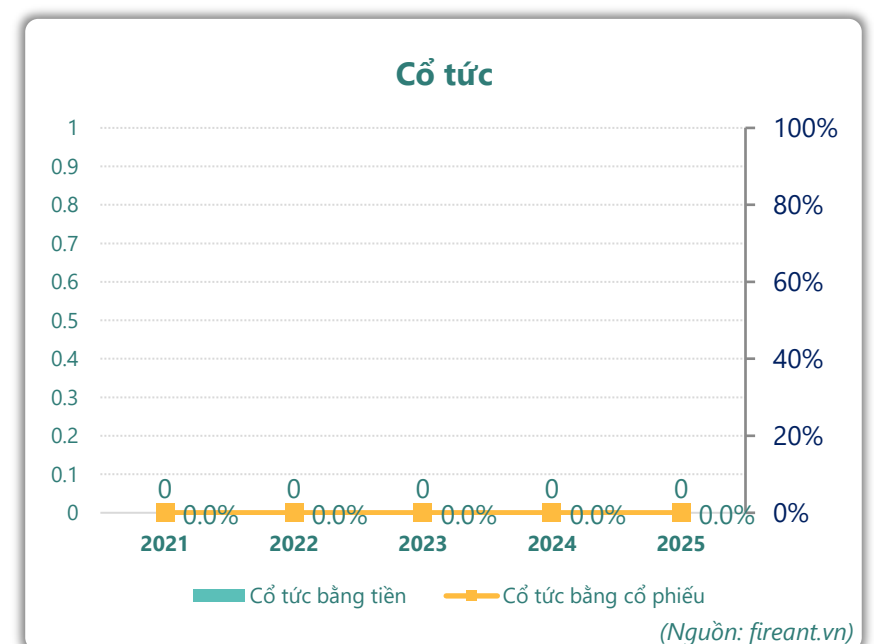
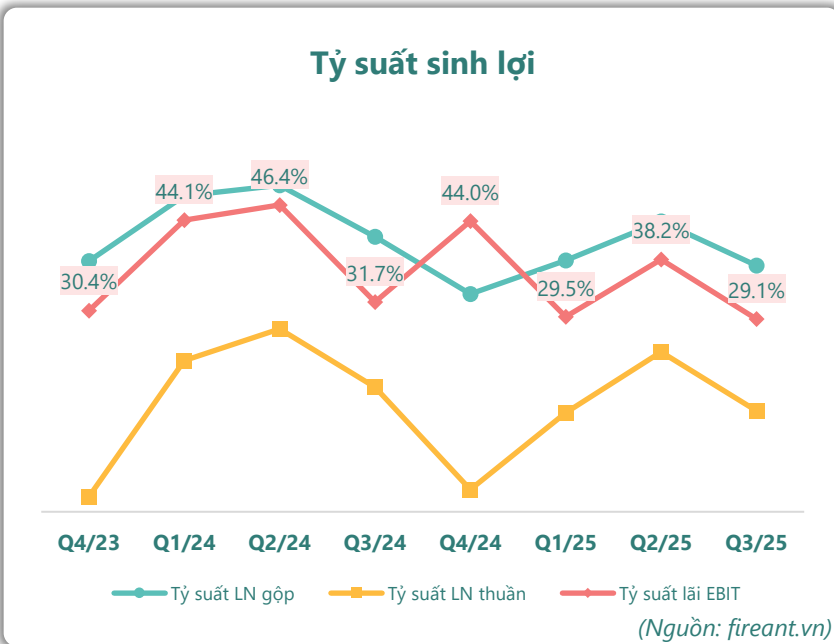
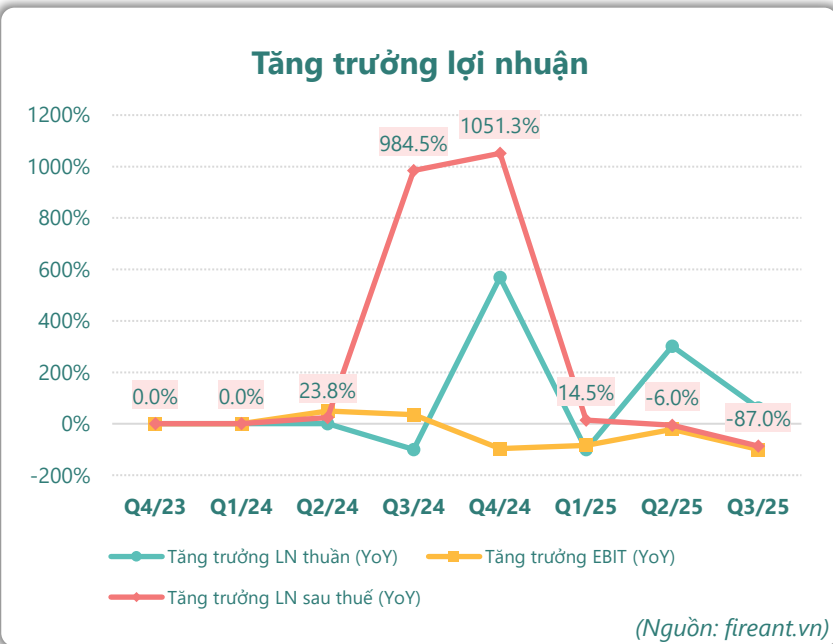
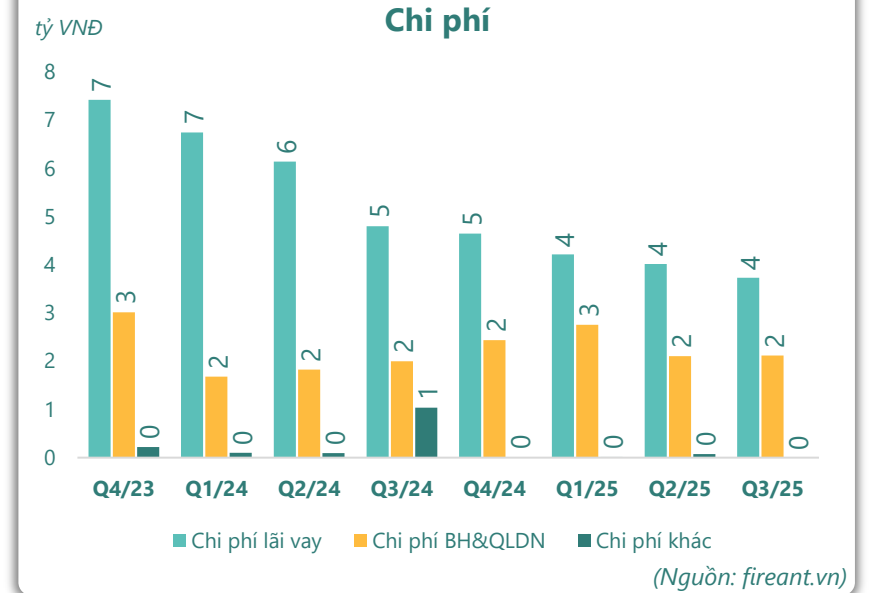
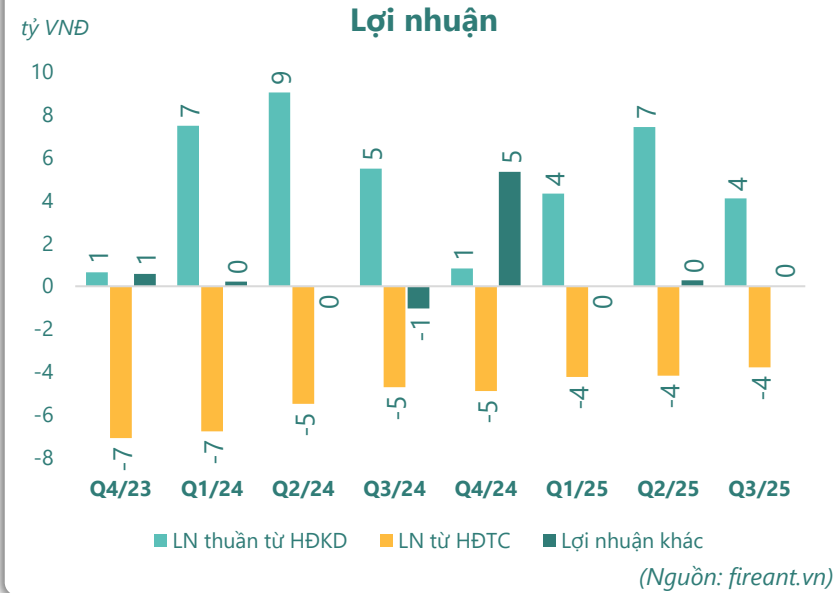
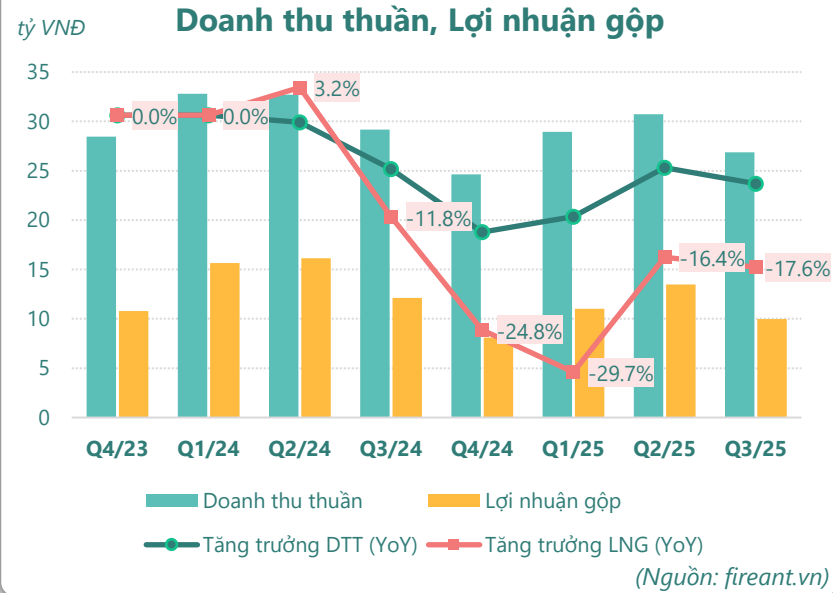
DT thuần 9T 2025
86.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.20 -8.6%

LN thuần 9T 2025
15.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.10 -28.0%

LN sau thuế 9T 2025
13.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.90 -26.3%



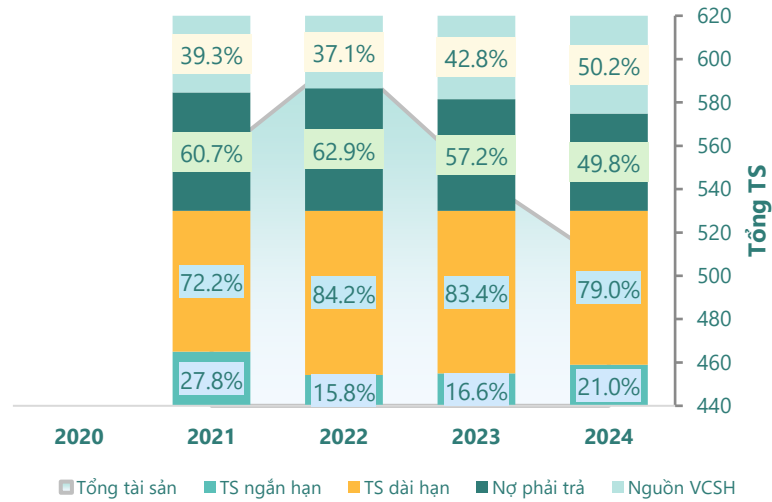
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

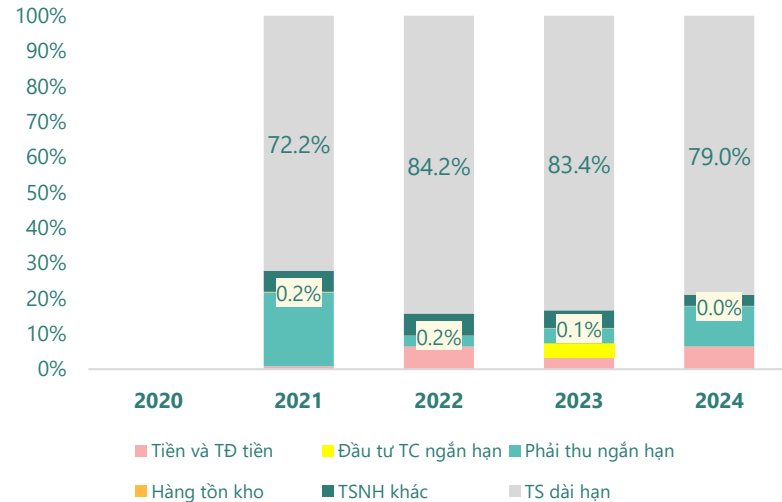
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

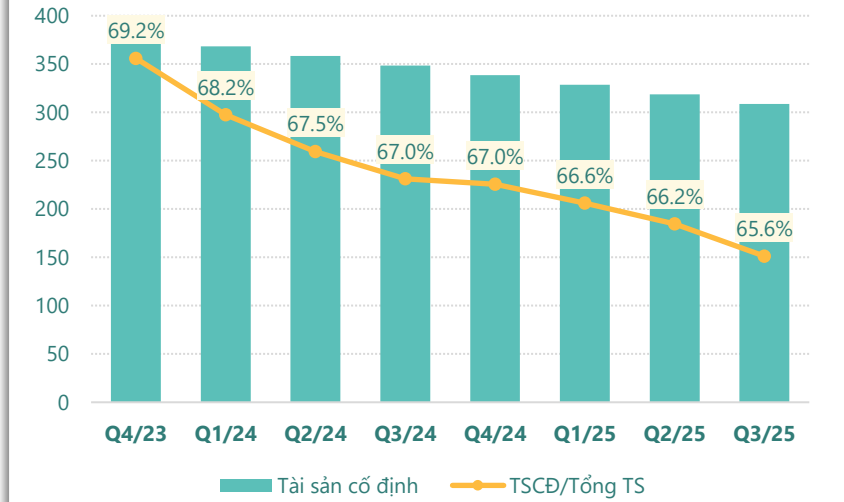
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

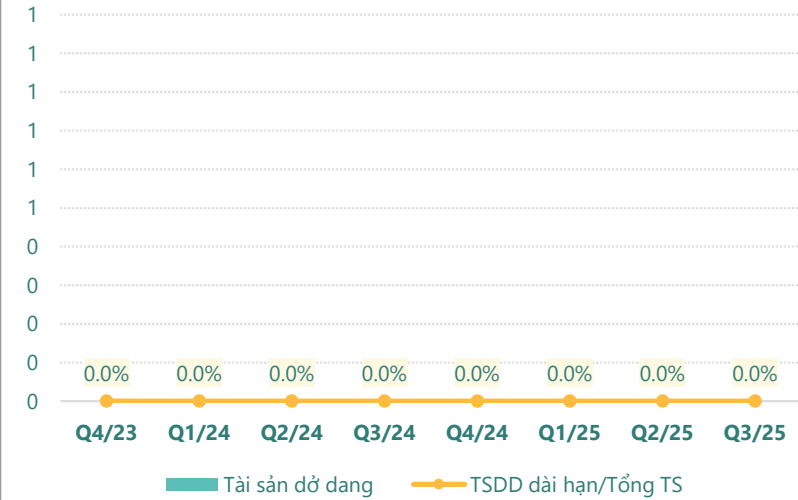
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

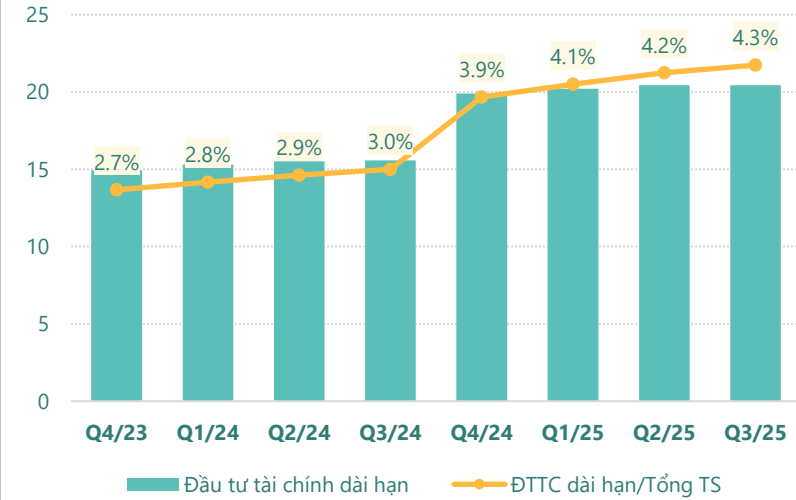
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

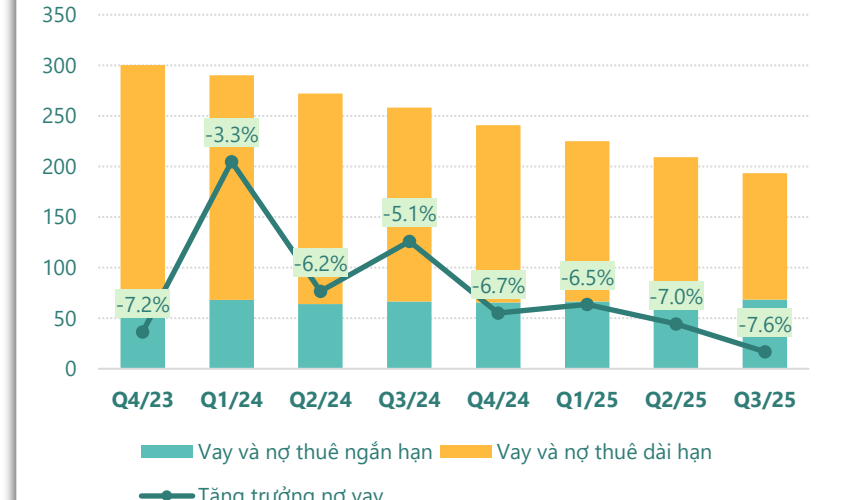
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

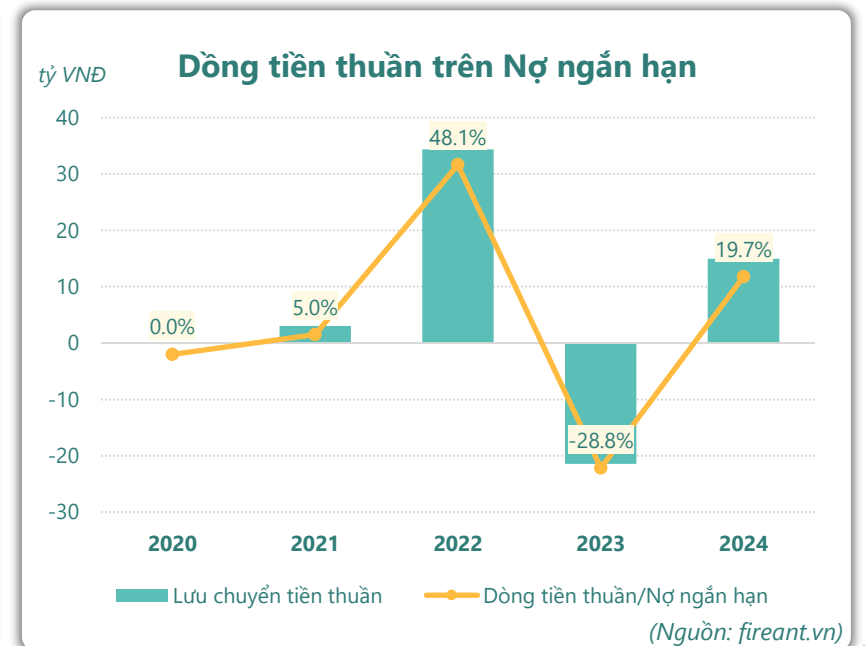
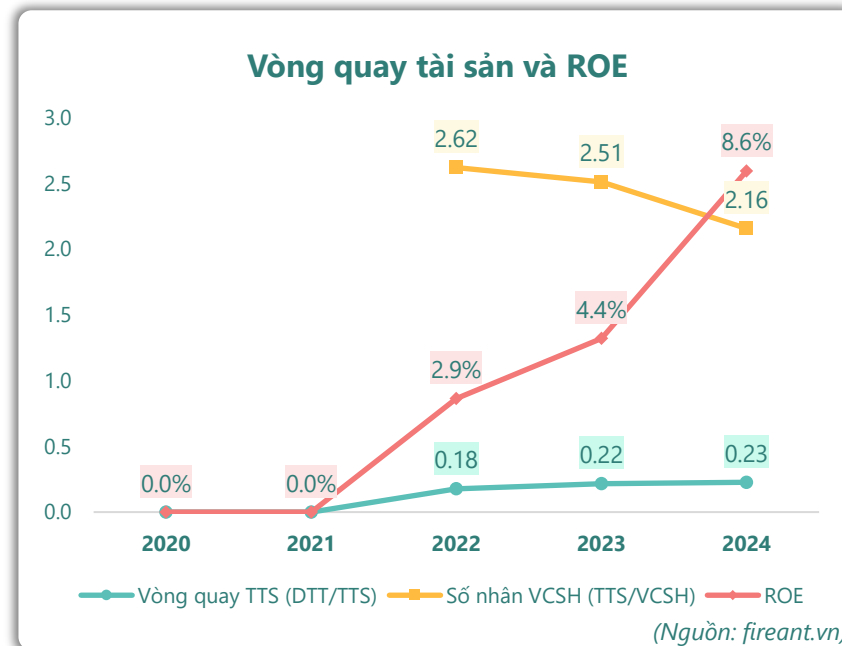
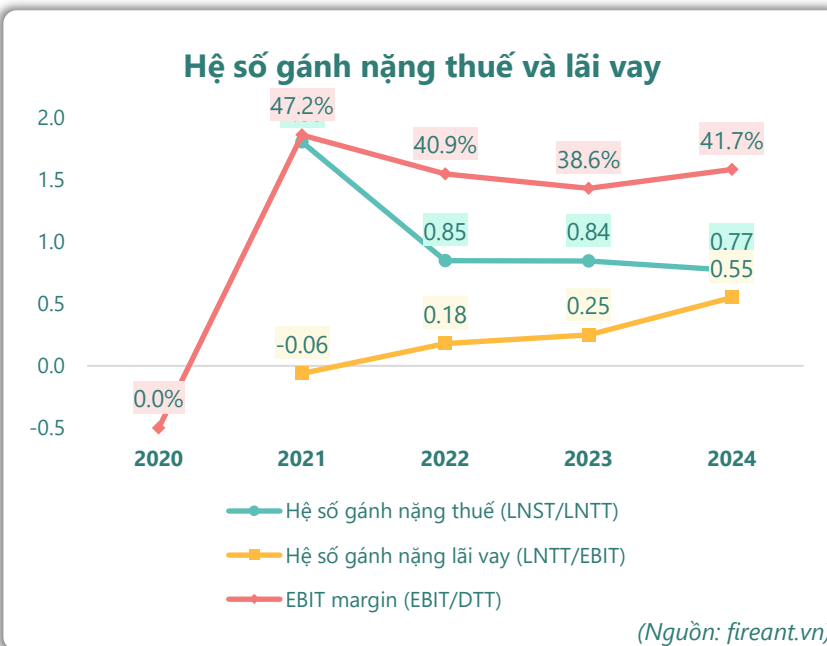
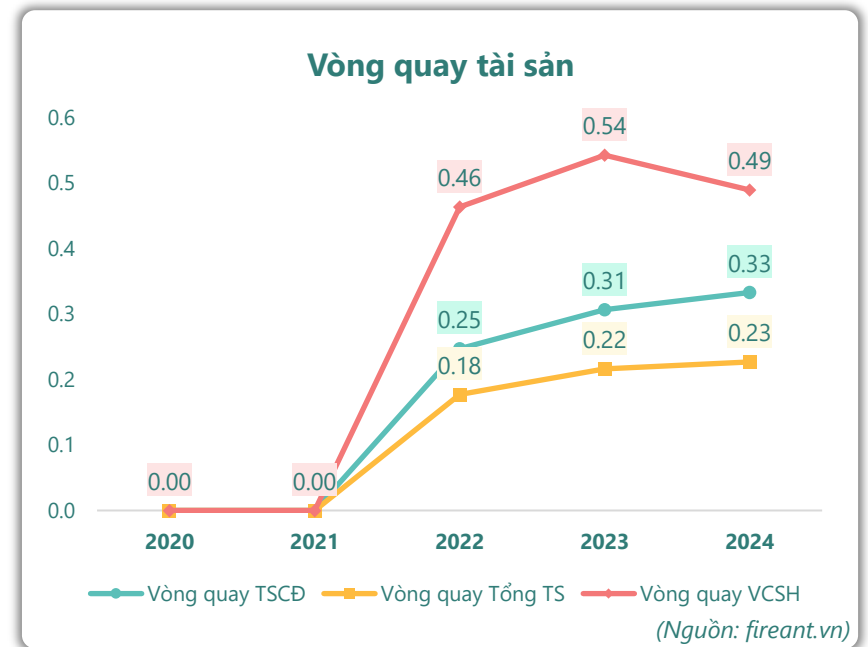
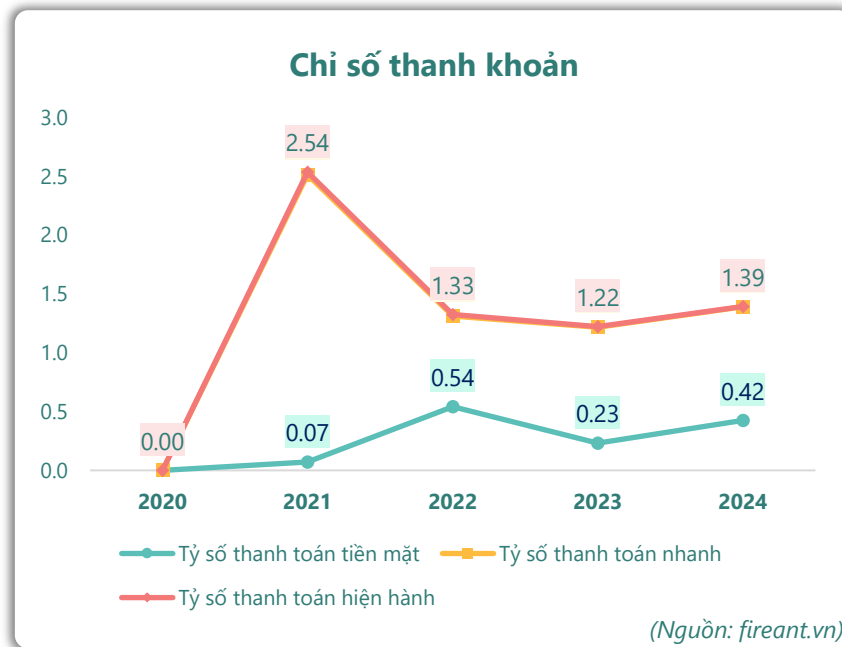
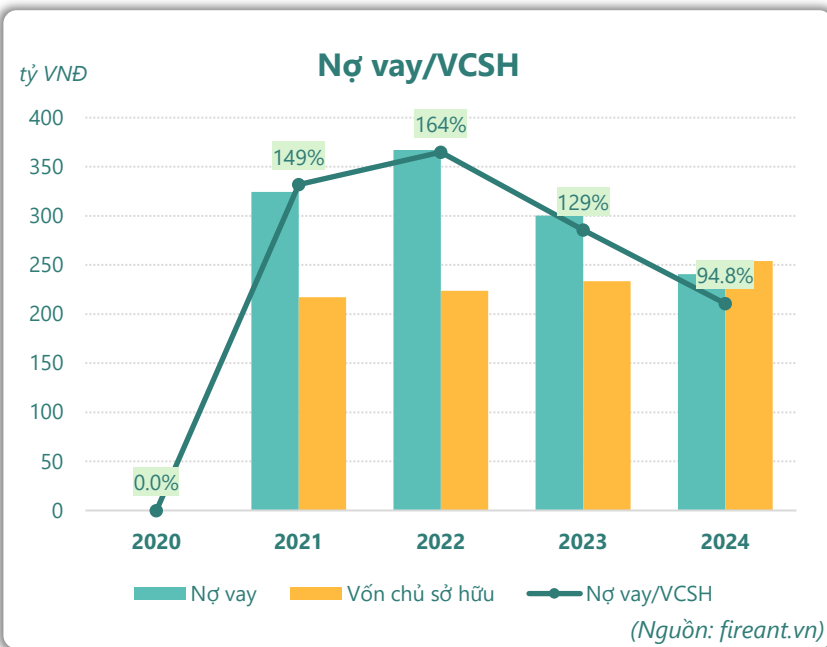
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	26.9	29.2	-8.0%	86.5	94.7	-8.6%
Giá vốn hàng bán	16.9	17.0	-0.8%	52.0	50.7	2.6%
Lợi nhuận gộp	10.00	12.1	-17.4%	34.5	44.0	-21.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.12	-96.0%	0.02	0.91	-97.8%
Chi phí TC	3.79	4.83	-21.5%	12.2	17.9	-31.8%
Chi phí lãi vay	3.73	4.80	-22.3%	12.0	17.7	-32.4%
LN trong công ty LKLD	0.01	0.08	-89.0%	0.54	0.58	-6.6%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.12	2.00	6.0%	6.98	5.51	26.9%
LN thuần từ HĐKD	4.10	5.49	-25.4%	15.9	22.0	-28.0%
Lợi nhuận khác	0.00	-1.03	100%	0.26	-0.83	131%
LN trước thuế	4.10	4.46	-8.2%	16.1	21.2	-24.0%
Lợi nhuận sau thuế	3.40	2.47	37.7%	13.7	18.6	-26.3%
LNST của CĐ cty mẹ	3.40	2.47	37.7%	13.7	18.6	-26.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.9	7.66	0.31	5.77	-5.24	16.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.41	25.1	2.35	0.01	25.3	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.1	-13.9	-17.4	-15.8	-15.7	-15.9
Tiền đầu kỳ	26.8	28.2	47.0	32.3	22.3	26.6
Lưu chuyển tiền thuần	1.38	18.8	-14.7	-9.99	4.29	0.52
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	28.2	47.0	32.3	22.3	26.6	27.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	470	505	-7.0%
Tài sản ngắn hạn	92.0	106	-13.2%
Tiền và tương đương tiền	27.1	32.3	-16.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	51.2	58.1	-11.9%
Hàng tồn kho	0.04	0.15	-74.9%
Tài sản ngắn hạn khác	13.6	15.5	-12.0%
Tài sản dài hạn	378	399	-5.3%
Phải thu dài hạn	11.1	8.09	36.6%
Tài sản cố định	309	338	-8.8%
Bất động sản đầu tư	24.4	26.1	-6.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	20.4	19.9	2.7%
Tài sản dài hạn khác	11.7	4.73	148%
Lợi thế thương mại	1.98	2.20	-10.1%
Nợ phải trả	204	252	-18.8%
Nợ ngắn hạn	78.9	76.1	3.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	68.3	65.6	4.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.92	1.47	167%
Nợ dài hạn	125	175	-28.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	125	175	-28.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	266	254	4.7%
Vốn chủ sở hữu	266	254	4.7%
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

